

Số: /TTr-BXD

Hà Nội, ngày tháng 7 năm 2025

TỜ TRÌNH**Dự thảo Nghị định quy định chi tiết về việc
tháo gỡ vướng mắc của dự án BOT giao thông**

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15, Bộ Xây dựng kính trình Chính phủ dự thảo Nghị định quy định chi tiết về việc tháo gỡ vướng mắc của dự án BOT giao thông như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH**1. Cơ sở chính trị, pháp lý****1.1. Cơ sở chính trị**

- Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng xác định “*Tiếp tục hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội đồng bộ, hiện đại, trọng tâm là ưu tiên phát triển hạ tầng trọng yếu về giao thông, năng lượng, công nghệ thông tin, đô thị lớn, hạ tầng ứng phó với biến đổi khí hậu...*” là một trong ba đột phá chiến lược giai đoạn 2021 - 2030, với nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu “*Hoàn thiện thể chế, đẩy mạnh hợp tác công tư nhằm huy động nguồn lực xã hội vào phát triển kết cấu hạ tầng và cung ứng dịch vụ công¹. Thu hút tối đa nguồn lực đầu tư, đa dạng hóa các hình thức huy động và sử dụng nguồn lực, nhất là các nguồn lực đầu tư ngoài nhà nước; khuyến khích, thu hút đầu tư ngoài ngân sách phát triển kết cấu hạ tầng, nhất là giao thông²*”.

- Kết luận số 11/KL-TW ngày 13/7/2021 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, tài chính quốc gia, đầu tư công trung hạn 5 năm 2021 - 2025, trong đó xác định: *đẩy mạnh triển khai các dự án theo hình thức đối tác công tư, trước hết là các dự án BOT để phát triển hạ tầng chiến lược trên nguyên tắc hài hòa lợi ích, chia sẻ rủi ro giữa nhà nước, nhà đầu tư và người dân...*

- Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới, trong đó đề ra nhiệm vụ *ngiên cứu xây dựng cơ chế kịp thời nhận diện, xử lý tổng thể, đồng bộ, tháo gỡ nhanh nhất những “điểm nghẽn” có nguyên nhân từ quy định pháp luật.*

- Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển

¹ Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII (Tập I Mục V khoản 4).

² Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII (Tập II Phần thứ II Mục IV khoản 5).

kinh tế tư nhân, trong đó đề ra nhiệm vụ *bảo đảm và bảo vệ hữu hiệu quyền sở hữu, quyền tự do kinh doanh, quyền tài sản, quyền cạnh tranh bình đẳng và bảo đảm thực thi hợp đồng của kinh tế tư nhân; có cơ chế đặc thù để xử lý các dự án, hợp đồng tồn đọng kéo dài nhiều năm, gây thất thoát, lãng phí nguồn lực xã hội, cản trở quá trình phát triển của các doanh nghiệp tư nhân.*

- Chỉ thị số 27-CT/TW ngày 25/12/2023 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

- Thông báo số 127-TB/VPTW ngày 06/02/2025 của Văn phòng Trung ương Đảng về Kết luận của Lãnh đạo chủ chốt tại Phiên họp tháng 2/2025.

- Văn bản số 15538-CV/VPTW ngày 21/6/2025 của Văn phòng Trung ương Đảng truyền đạt ý kiến của Bộ Chính trị về nội dung các luật, Nghị quyết trình Quốc hội thông qua tại đợt 2 của Kỳ họp thứ 9 Quốc hội khóa XV, trong đó yêu cầu *quy định về tỷ lệ cụ thể mà nhà nước chia sẻ với nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án PPP về phần chênh lệch giữa doanh thu trong phương án tài chính và doanh thu thực tế của dự án.*

- Bài viết: *"Phát triển kinh tế tư nhân - đòn bẩy cho một Việt Nam thịnh vượng"* ngày 21 tháng 3 năm 2025 của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm, trong đó nêu rõ giải pháp trọng tâm trong động lực đột phá, kỷ nguyên vươn mình của doanh nghiệp tư nhân Việt Nam bao gồm bảo vệ thực thi hợp đồng của doanh nghiệp tư nhân: hệ thống thực thi hợp đồng minh bạch, hiệu lực, hiệu quả, giúp doanh nghiệp yên tâm trong giao dịch thương mại và đầu tư, giảm thiểu rủi ro pháp lý, hạn chế tối đa tình trạng thay đổi chính sách đột ngột gây tổn thất cho doanh nghiệp.

1.2. Cơ sở pháp lý

Căn cứ quy định tại Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư số 64/2020/QH14 ngày 18/6/2020 (Luật PPP), được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024 và Luật số 90/2025/QH15, Quốc hội giao Chính phủ quy định chi tiết về việc tháo gỡ vướng mắc của dự án BOT giao thông, cụ thể:

- *Về việc chia sẻ phần giảm doanh thu của dự án:*

Luật số 90/2025/QH15 (sửa đổi Luật PPP) quy định:

(i) Đối với dự án BOT trong lĩnh vực đường bộ có hợp đồng được ký kết trước ngày 01 tháng 01 năm 2021, Nhà nước chia sẻ với nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án PPP theo tỷ lệ phần chênh lệch giữa doanh thu trong phương án tài chính và doanh thu thực tế.

(ii) Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc áp dụng chia sẻ phần giảm doanh thu và tỷ lệ chia sẻ đối với dự án do mình phê duyệt theo quy định của Chính phủ.

(iii) Giao Chính phủ quy định chi tiết điều này (khoản 5 Điều 99a Luật PPP).

- *Về chấm dứt hợp đồng trước thời hạn:*

Luật số 57/2024/QH15 (sửa đổi Luật PPP) quy định:

(i) Nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án được chỉ trả chi phí trong trường hợp chấm dứt hợp đồng trước thời hạn trong trường hợp: Dự án bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng, quy hoạch, chính sách, pháp luật có liên quan thay đổi mà các bên đã thực hiện các biện pháp khắc phục nhưng không bảo đảm việc tiếp tục thực hiện hợp đồng dự án PPP; Vì lợi ích quốc gia; bảo đảm yêu cầu về quốc phòng, an ninh quốc gia, bảo vệ bí mật nhà nước; Trường hợp khác do hoàn cảnh thay đổi cơ bản; do lỗi của cơ quan ký kết hợp đồng.

(ii) Cho phép được áp dụng Luật này đối với các dự án ký kết hợp đồng trước thời điểm Luật PPP có hiệu lực³.

(iii) Giao Chính phủ quy định chi tiết Điều này (khoản 7 Điều 52 Luật PPP).

Ngày 14 tháng 7 năm 2025, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1526/QĐ-TTg về Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành các luật, nghị quyết được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp thứ 9, trong đó, giao Bộ Xây dựng chủ trì xây dựng trình Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết về việc tháo gỡ vướng mắc của dự án BOT giao thông (*Điều 99a, Điều 52 Luật PPP*) theo trình tự, thủ tục rút gọn (mục 7, số thứ tự 26 Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 1526/QĐ-TTg).

2. Cơ sở thực tiễn

Trong bối cảnh nguồn vốn nhà nước khó khăn, triển khai Nghị quyết Đại hội XI của Đảng, Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 16/01/2012 của Ban Chấp hành Trung ương, tính đến trước năm 2020 (thời điểm Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư (Luật PPP) ban hành) cả nước đã huy động khoảng 318.857 tỷ đồng đầu tư 140 dự án⁴ đầu tư xây dựng theo phương thức đối tác công tư, loại hợp đồng Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao (sau đây gọi tắt là dự án BOT giao thông). Các dự án đã đưa vào khai thác đúng mục tiêu, phát huy hiệu quả, giảm chi phí vận tải, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, giảm ùn tắc, tai nạn giao thông, nâng cao năng lực cạnh tranh cho nền kinh tế... Tuy nhiên, trước thời điểm Luật PPP ban hành, pháp luật về đầu tư theo hình thức hợp đồng BOT còn một số hạn chế, trong quá trình thực hiện hợp đồng phải điều chỉnh chính sách để phù hợp với yêu cầu thực tiễn dẫn đến phát sinh vướng mắc tại một số dự án BOT giao thông.

Thực hiện kết luận của Ủy ban Thường vụ Quốc hội⁵, chỉ đạo Thường trực Chính phủ⁶, Bộ Xây dựng (trước đây là Bộ Giao thông vận tải) đã phối hợp với các địa phương⁷ đánh giá toàn diện những khó khăn, vướng mắc của dự án BOT giao thông trong cả nước; theo đó, trong tổng số 140 dự án BOT, đến nay đã xác định danh mục 11 dự án đã định lượng vướng mắc và một số dự án tiềm ẩn vướng mắc. Trên cơ sở đó, Bộ Xây dựng đã phối hợp với Ngân hàng nhà nước Việt Nam, các

³ Khoản 22 Điều 3 (sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 101 Luật PPP) quy định trường hợp cần sửa đổi, bổ sung nội dung của hợp đồng dự án mà pháp luật tại thời điểm ký kết hợp đồng không có quy định thì các bên được thỏa thuận sửa đổi, bổ sung theo quy định của Luật này và pháp luật có liên quan có hiệu lực tại thời điểm sửa đổi, bổ sung hợp đồng.

⁴ Bộ Xây dựng có 66 dự án/207.991 tỷ đồng, địa phương có 74 dự án/110.866 tỷ đồng.

⁵ Thông báo số 1834/TB-TTKQH ngày 28/11/2022 của Tổng Thư ký Quốc hội.

⁶ Thông báo số 270/TB-VPCP ngày 22/6/2024 của Văn phòng Chính phủ.

⁷ Bộ GTVT đã nhận được báo cáo của 56/63 tỉnh, thành phố.

địa phương liên quan, đàm phán với Nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án và thống nhất 02 nhóm giải pháp tháo gỡ vướng mắc trên cơ sở bảo đảm nguyên tắc “lợi ích hài hòa, rủi ro chia sẻ” gồm: (i) Nhà nước chia sẻ để tiếp tục thực hiện hợp đồng; (ii) Nhà nước thanh toán chi phí bồi thường, chấm dứt hợp đồng trước thời hạn.

Trên cơ sở quy định của Luật PPP, kết luận của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chỉ đạo của Thường trực Chính phủ, kết quả làm việc, đàm phán với nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án và ngân hàng tín dụng, Bộ Xây dựng đã tổng hợp, hoàn chỉnh hồ sơ dự thảo Nghị định⁸.

Từ cơ sở chính trị, pháp lý và thực tiễn nêu trên, việc Chính phủ ban hành Nghị định “quy định chi tiết về việc tháo gỡ vướng mắc dự án BOT giao thông” (sau đây gọi là dự thảo Nghị định) là cần thiết, có cơ sở và phù hợp với thẩm quyền của Chính phủ.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Mục đích ban hành Nghị định

Nghị định được xây dựng và ban hành nhằm hướng dẫn thi hành một số điều của Luật PPP (sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 57/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15) để tháo gỡ vướng mắc tại một số dự án BOT giao thông, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, ngân hàng tín dụng, cải thiện môi trường đầu tư, khơi thông nguồn lực, thực hiện thắng lợi chủ trương của Đảng, chính sách của nhà nước về thu hút nguồn lực xã hội theo phương thức PPP, hoàn thành các mục tiêu đột phá chiến lược về phát triển kết cấu hạ tầng.

2. Quan điểm xây dựng dự thảo Nghị định

Việc xây dựng Nghị quyết đảm bảo các quan điểm sau đây:

- Bám sát chủ trương, đường lối của Đảng, Nhà nước về việc xây dựng cơ chế pháp lý đồng bộ để tháo gỡ vướng mắc các dự án, hợp đồng phát sinh khó khăn do quy định pháp luật, chính sách thay đổi. Bảo đảm phù hợp với Hiến pháp, không làm cản trở việc thực hiện các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

- Bảo đảm thống nhất, đồng bộ trong hệ thống văn bản pháp luật; phù hợp về nội dung và phù hợp về phạm vi thẩm quyền của Chính phủ.

- Bảo đảm nguyên tắc “lợi ích hài hòa, rủi ro chia sẻ”. Ưu tiên áp dụng giải pháp nhà nước, nhà đầu tư và bên cho vay cùng chia sẻ để tiếp tục thực hiện hợp đồng; chỉ chấm dứt hợp đồng trước thời hạn nếu giải pháp chia sẻ để tiếp tục thực hiện hợp đồng không khả thi.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

⁸ Triển khai Thông báo số 270/TB-VPCP, Bộ Xây dựng đã có nhiều văn bản gửi nhà đầu tư, ngân hàng tín dụng (số 7921/BGTVT-CDCTVN ngày 25/7/2024, số 8078/BGTVT-CDCTVN ngày 30/7/2024, số 8470/BGTVT-CDCTVN ngày 08/8/2024, số 8474/BGTVT-CDCTVN ngày 08/8/2024, số 8953/BGTVT-CDCTVN ngày 20/8/2024, 11916/BGTVT-CDCTVN ngày 04/11/2024 và số 55/CDCTVN-KHTC ngày 15/01/2025), Ngân hàng Nhà nước đã có văn bản số 6336/NHNN-TD ngày 31/7/2024 gửi các ngân hàng tín dụng về giải pháp tháo gỡ vướng mắc và trách nhiệm chia sẻ; Bộ Xây dựng đã phối hợp với địa phương tổ chức 03 cuộc họp đàm phán với nhà đầu tư, ngân hàng tín dụng về giải pháp tháo gỡ vướng mắc và trách nhiệm chia sẻ của các bên.

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Xây dựng đã chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện các công việc sau:

1. Thực hiện văn bản số 6948/BXD-VP ngày 17/7/2025 của Bộ Xây dựng về việc giao nhiệm vụ chủ trì xây dựng Nghị định, Cục trưởng Cục Đường bộ Việt Nam đã ban hành Quyết định số 1001/QĐ-CĐBVN ngày 18/7/2025 thành lập Tổ soạn thảo dự thảo Nghị định.

2. Rà soát phạm vi nội dung của Luật PPP thuộc thẩm quyền hướng dẫn của Chính phủ; xác định các vấn đề, nội dung cần được hướng dẫn tại dự thảo Nghị định.

3. Tổng kết thi hành pháp luật, đánh giá thực trạng các dự án có khó khăn, vướng mắc

Thực hiện kết luận của Ủy ban Thường vụ Quốc hội⁹, chỉ đạo Thường trực Chính phủ¹⁰, Bộ Xây dựng (trước đây là Bộ Giao thông vận tải) đã phối hợp với các địa phương¹¹ đánh giá toàn diện những khó khăn, vướng mắc của dự án BOT giao thông trong cả nước; theo đó, trong tổng số 140 dự án BOT, đến nay đã xác định danh mục 11 dự án đã định lượng vướng mắc và một số dự án tiềm ẩn vướng mắc. Trên cơ sở đó, Bộ Xây dựng đã phối hợp với Ngân hàng nhà nước Việt Nam, các địa phương liên quan, đàm phán với Nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án và thống nhất 02 nhóm giải pháp tháo gỡ vướng mắc trên cơ sở bảo đảm nguyên tắc “lợi ích hài hòa, rủi ro chia sẻ” gồm: (i) Nhà nước chia sẻ để tiếp tục thực hiện hợp đồng; (ii) Nhà nước thanh toán chi phí bồi thường, chấm dứt hợp đồng trước thời hạn.

4. Xây dựng hồ sơ dự thảo Nghị định, tổ chức các cuộc họp Tổ soạn thảo để trao đổi, thảo luận về các nội dung cơ bản quy định tại dự thảo Nghị định.

5. Chính lý hoàn thiện dự thảo Nghị định và các thành phần thuộc hồ sơ dự thảo Nghị định, gửi lấy ý kiến bằng văn bản đối với các đối tượng chịu sự tác động của Nghị định (các bộ, ngành, UBND các tỉnh, nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án, tổ chức tín dụng là bên cho vay, các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc tháo gỡ vướng mắc của dự án BOT giao thông).

6. Thực hiện thẩm định dự thảo Nghị định vào ngày Hội đồng thẩm định đã có Báo cáo thẩm định số

Trên cơ sở ý kiến thẩm định của Hội đồng thẩm định, ý kiến của các bộ, ngành, cơ quan liên quan, các địa phương, các nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án, tổ chức tín dụng, Bộ Xây dựng đã nghiên cứu tiếp thu, chính lý, hoàn thiện dự thảo Nghị định, xây dựng và hoàn thiện hồ sơ dự thảo Nghị định trình Chính phủ.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1.1. Phạm vi điều chỉnh

⁹ Thông báo số 1834/TB-TTKQH ngày 28/11/2022 của Tổng Thư ký Quốc hội.

¹⁰ Thông báo số 270/TB-VPCP ngày 22/6/2024 của Văn phòng Chính phủ.

¹¹ Bộ GTVT đã nhận được báo cáo của 56/63 tỉnh, thành phố.

Nghị định này quy định chi tiết về việc tháo gỡ vướng mắc của dự án BOT giao thông, bao gồm:

- Điều 99a Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư (Luật PPP) (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 33 Điều 2 Luật số 90/2025/QH15) về xử lý vướng mắc giảm doanh thu của các dự án BOT giao thông được ký kết trước ngày 01/01/2021.

- Điều 52 Luật PPP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 14 và khoản 22 Điều 3 Luật số 57/2024/QH15) về chấm dứt hợp đồng trước thời hạn dự án PPP giao thông được ký kết trước ngày 01/01/2021.

1.2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với các bên trong hợp đồng dự án đầu tư kết cấu hạ tầng giao thông theo hình thức hợp đồng BOT được ký kết trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành; cơ quan quản lý nhà nước và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động đầu tư kết cấu hạ tầng giao thông theo hình thức hợp đồng BOT.

2. Bố cục

Dự thảo Nghị định gồm 13 Điều, cụ thể như sau:

Chương I. Quy định chung

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Chương II. Xử lý vướng mắc giảm doanh thu của các dự án BOT giao thông được ký kết trước ngày 01/01/2021

Điều 4. Điều kiện chia sẻ phần giảm doanh thu

Điều 5. Tỷ lệ chia sẻ phần giảm doanh thu

Điều 6. Trách nhiệm của các bên khi nhà nước chia sẻ phần giảm doanh thu

Điều 7. Trình tự, thủ tục thực hiện chia sẻ doanh thu

Điều 8. Nguồn vốn, trình tự thanh toán vốn nhà nước thực hiện chia sẻ phần giảm doanh thu

Chương III. Chấm dứt hợp đồng dự án BOT giao thông được ký kết trước ngày 01/01/2021

Điều 9. Điều kiện chi trả chi phí bồi thường, chấm dứt hợp đồng trước thời hạn

Điều 10. Chi phí bồi thường, chấm dứt hợp đồng trước thời hạn

Điều 11. Trình tự, thủ tục thanh toán chi phí bồi thường, chấm dứt hợp đồng trước thời hạn

Điều 12. Hiệu lực thi hành

Điều 13. Trách nhiệm thi hành

2. Nội dung cơ bản

2.1. Xử lý vướng mắc giảm doanh thu của các dự án BOT giao thông được

ký kết trước ngày 01/01/2021

(1) Về điều kiện chia sẻ phần giảm doanh thu

Theo quy định tại khoản 2 Điều 99a Luật PPP, việc chia sẻ phần giảm doanh thu được áp dụng khi đáp ứng các 4 điều kiện. Để làm rõ các điều kiện trên, dự thảo quy định chi tiết về tiêu chí xác định phương án tài chính không bảo đảm hiệu quả theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 99a Luật PPP và nội dung đàm phán của cơ quan ký kết hợp đồng với nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án và bên cho vay theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 99a Luật PPP.

(2) Về tỷ lệ chia sẻ phần giảm doanh thu

Theo quy định tại khoản 3 Điều 99a Luật PPP, Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc áp dụng chia sẻ phần giảm doanh thu và tỷ lệ chia sẻ đối với dự án do mình phê duyệt *theo quy định của Chính phủ*, bảo đảm công bằng, minh bạch, không làm phát sinh tăng phí sử dụng dịch vụ đường bộ và thời gian thu phí theo hợp đồng đã ký.

Tỷ lệ chia sẻ của nhà nước được dự thảo xác định *không quá 75% tỷ lệ bình quân giữa mức doanh thu bị sụt giảm và doanh thu trong phương án tài chính của dự án trong 3 năm gần nhất. Mức doanh thu bị sụt giảm được xác định bằng doanh thu trong phương án tài chính trừ doanh thu thực tế.*

Cơ sở đề xuất mức ***75% tỷ lệ bình quân sụt giảm doanh thu***: tham khảo quy định tại Điều 82 Luật PPP về việc áp dụng cơ chế chia sẻ phần giảm doanh thu khi doanh thu thực tế đạt thấp hơn doanh thu trong phương án tài chính tại hợp đồng dự án PPP với *tỷ lệ trong khung từ dưới 90% đến dưới 75%* do quy hoạch, chính sách, pháp luật có liên quan thay đổi làm giảm doanh thu.

Về đề xuất mức “sụt giảm doanh thu của dự án trong ***3 năm gần nhất***” nhằm bảo đảm tính chính xác khi xác định mức bình quân (tỷ lệ bình quân) sụt giảm doanh thu; đồng thời, đây cũng là khoảng thời gian cần thiết để các bên đàm phán, nghiên cứu áp dụng giải pháp theo quy định của hợp đồng; chỉ áp dụng giải pháp bổ sung vốn nhà nước khi các giải pháp theo quy định của hợp đồng không khả thi.

Mức vốn nhà nước chia sẻ, dự thảo hướng dẫn xác định bằng: *tỷ lệ chia sẻ theo quy định tại khoản 1 Điều này nhân với tổng mức đầu tư dự án. Trong đó, tổng mức đầu tư dự án được xác định theo quyết định phê duyệt dự án và không bao gồm phần vốn nhà nước tham gia thực hiện dự án.*

Bộ trưởng, Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định tỷ lệ chia sẻ đối với dự án do mình phê duyệt, bảo đảm đồng thời các điều kiện: (i) *tỷ lệ chia sẻ doanh thu*; (ii) *mức vốn nhà nước chia sẻ doanh thu tối đa không vượt quá quy định tại khoản 2, 2a, 2b Điều 69 Luật PPP (không quá 50 - 70% tổng mức đầu tư dự án).*

(3) Về trách nhiệm của các bên khi nhà nước chia sẻ phần giảm doanh thu

Việc quy định trách nhiệm của các bên khi nhà nước chia sẻ phần giảm doanh

thu nhằm bảo đảm nguyên tắc *"lợi ích hài hòa, rủi ro chia sẻ"*¹²; bảo đảm nguyên tắc *nhà nước chỉ hỗ trợ một lần*¹³ và *dự án bảo đảm khả thi để tiếp tục thực hiện hợp đồng, không phát sinh thêm vướng mắc*.

Nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án và bên cho vay giảm tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu, giảm lãi suất vốn vay bảo đảm phương án tài chính hiệu quả, không phát sinh tăng phí sử dụng dịch vụ so với hợp đồng đã ký, không kéo dài thời gian thu phí so với hợp đồng đã ký. Cơ quan ký kết hợp đồng và nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án cập nhật doanh thu, chi phí thực tế của dự án, tính toán phương án trả nợ trong phương án tài chính theo thứ tự ưu tiên: các khoản thuế phải nộp; chi phí quản lý khai thác và bảo trì công trình dự án; trả nợ vốn vay, vốn chủ sở hữu; phần còn lại chi trả lãi vay, lợi nhuận vốn chủ sở hữu.

Sau khi Nhà nước chia sẻ, trường hợp doanh thu thực tế tăng cao hơn so với doanh thu dự kiến trong phương án tài chính điều chỉnh theo quy định tại khoản 1 khoản 2 Điều này, các bên ký kết hợp đồng cập nhật phương án tài chính để rút ngắn thời gian thu phí hoàn vốn.

(4) Trình tự, thủ tục chia sẻ doanh thu

Trình tự, thủ tục thực hiện chia sẻ doanh thu cơ bản tương tự trình tự, thủ tục chia sẻ doanh thu theo Điều 82 Luật PPP, cụ thể tại dự thảo Nghị định.

2.2. Chấm dứt hợp đồng trước thời hạn dự án PPP giao thông được ký kết trước ngày 01/01/2021

(1) Điều kiện chi trả chi phí bồi thường, chấm dứt hợp đồng trước thời hạn

Nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án PPP được chi trả chi phí bồi thường, chấm dứt hợp đồng trước thời hạn áp dụng đối trường hợp quy định tại điểm a, b khoản 2a Điều 52 Luật PPP và theo quy định tại điểm a khoản 2a Điều 52 Luật PPP khi đáp ứng một trong các điều kiện:

(i) Dự án đã hoàn thành đưa vào khai thác tối thiểu 2 năm nhưng nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án không được thu phí để hoàn vốn theo hợp đồng dự án;

Cơ sở đề xuất việc dự án đã hoàn thành đưa vào khai thác tối thiểu 2 năm nhưng nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án không được thu phí để hoàn vốn theo hợp đồng dự án: nhằm bảo đảm khoảng thời gian cần thiết để các bên đàm phán, nghiên cứu áp dụng giải pháp theo quy định của hợp đồng, đánh giá vướng mắc của dự án.

(ii) Dự án bị sụt giảm doanh thu, các bên đã tính toán phương án tài chính điều chỉnh trên cơ sở bổ sung vốn nhà nước chia sẻ doanh thu, giảm tỷ suất lợi

¹² Văn kiện Đại hội lần thứ XI, XII và XIII của Đảng xác định nhiệm vụ huy động tối đa nguồn lực xã hội tham gia đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng theo phương thức PPP; tạo điều kiện thuận lợi để thu hút đầu tư, *bảo đảm hài hòa lợi ích, chia sẻ rủi ro để thu hút đầu tư*; hoàn thiện cơ chế, chính sách khuyến khích đầu tư theo các hình thức PPP. Kết luận số 11/KL-TW ngày 13/7/2021, Ban Chấp hành Trung ương Đảng xác định đẩy mạnh triển khai các dự án theo hình thức đối tác công tư, trước hết là các dự án BOT để phát triển hạ tầng chiến lược *trên nguyên tắc hài hòa lợi ích, chia sẻ rủi ro giữa nhà nước, nhà đầu tư và người dân*.

Tại Thông báo số 270/TB-VPCP ngày 22/6/2024, để bảo đảm nguyên tắc *"lợi ích hài hòa, rủi ro chia sẻ"*, Thường trực Chính phủ yêu cầu các bên có trách nhiệm *chia sẻ cơ cấu lại khoản vay, giảm lợi nhuận vốn chủ sở hữu, giảm lãi vay, điều chỉnh phương án trả nợ phù hợp*.

¹³ Điều 99a Luật PPP.

nhuận trên vốn chủ sở hữu, giảm lãi suất vốn vay theo quy định tại Điều 5, Điều 6 Nghị định này nhưng thời gian thu phí hoàn vốn vẫn kéo dài trên 50 năm.

Cơ sở đề xuất thời gian hoàn vốn kéo dài trên 50 năm: tham khảo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 82 Luật PPP (cơ chế chia sẻ phần tăng, giảm doanh thu), khoản 2 Điều 51 Luật PPP (thời hạn hợp đồng, bao gồm cả thời gian điều chỉnh) không vượt quá thời hạn giao đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật đất đai). Trường hợp phương án tài chính đã tính toán việc bổ sung vốn nhà nước, giảm tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu, giảm lãi suất vốn vay nhưng thời gian thu phí hoàn vốn vẫn kéo dài trên 50 năm thì được đánh giá là dự án không khả thi, không thể điều chỉnh để tiếp tục thực hiện hợp đồng.

(2) Chi phí bồi thường, chấm dứt hợp đồng trước thời hạn

Chi phí bồi thường, chấm dứt hợp đồng trước thời hạn được xác định trên bảng: *Tổng vốn đầu tư (theo giá trị quyết toán, trong đó bao gồm chi phí đầu tư xây dựng, lãi vay trong giai đoạn xây dựng, không bao gồm vốn nhà nước tham gia thực hiện dự án) + chi phí quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì công trình dự án (được cơ quan ký kết hợp đồng xác nhận) + các khoản thuế, phí doanh nghiệp dự án phải nộp (theo quy định pháp luật về thuế, phí) + chi phí lãi vay trong giai đoạn vận hành, kinh doanh - doanh thu (thu phí và nguồn thu khác).*

(3) Trình tự, thủ tục thanh toán chi phí bồi thường, chấm dứt hợp đồng trước thời hạn

Trình tự, thủ tục thực hiện chia sẻ doanh thu cơ bản tương tự trình tự, thủ tục chấm dứt hợp đồng trước thời hạn theo Điều 52 Luật PPP, cụ thể tại dự thảo Nghị định.

VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH VÀ THỜI GIAN TRÌNH THÔNG QUA NGHỊ ĐỊNH

1. Dự kiến nguồn lực, điều kiện bảo đảm cho việc thi hành Nghị định

1.1. Nguồn kinh phí

Nguồn kinh phí thực hiện chia sẻ phần giảm doanh thu, chấm dứt hợp đồng thực hiện theo quy định tại Luật PPP, pháp luật về đầu tư công, pháp luật ngân sách nhà nước.

1.2. Dự kiến nguồn lực thực hiện thủ tục hành chính

- Đối với nhóm dự án chấm dứt hợp đồng, thanh toán vốn nhà nước, do đã được pháp luật quy định nên không quy định bổ sung thủ tục hành chính.

- Đối với nhóm dự án bổ sung vốn nhà nước, tiếp tục thực hiện hợp đồng: giao Chính phủ hướng dẫn trình tự, thủ tục khi thực hiện (khoản 2 Điều 6 Nghị quyết).

1.3. Các điều kiện đảm bảo thi hành Nghị định

- Trách nhiệm thi hành: Bộ Xây dựng chủ trì hướng dẫn thực hiện các nội dung cần thiết khác của Nghị định này để đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước về hoạt động đầu tư theo phương thức PPP; Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chịu trách nhiệm hướng dẫn các nội dung liên quan đến tín dụng ngân hàng khi ngân hàng

cung cấp tín dụng dự án PPP thực hiện các quy định tại Nghị định này; Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong phạm vi chức năng, quyền hạn của mình có trách nhiệm hướng dẫn và thi hành Nghị định này.

- Tuyên truyền, phổ biến Nghị định: Các bộ, cơ quan trung ương và địa phương trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ thực hiện phổ biến Nghị định kịp thời đến các cơ quan, tổ chức và người dân.

- Bảo đảm nguồn lực thực hiện: việc bố trí nguồn ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật đầu tư công và nguyên tắc tại Nghị định này.

2. Thời gian trình ban hành Nghị định

Bộ Xây dựng đề xuất Chính phủ ban hành Nghị định vào cuối tháng 8, đầu tháng 9/2025.

VI. NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN XIN Ý KIẾN CHÍNH PHỦ

Bộ Xây dựng xin ý kiến Chính phủ đối với 01 nội dung sau:

Đối với chi phí bồi thường, chấm dứt hợp đồng trước thời hạn (Điều 10 dự thảo Nghị định), chi phí này được xác định trên cơ sở tổng các chi phí thực hiện dự án trừ đi doanh thu của dự án. Trong đó, đối với **chi phí lãi vay trong giai đoạn vận hành, kinh doanh** quy định xác định theo 03 phương án như sau:

Phương án 1: *tổng số vốn vay theo hợp đồng dự án PPP nhân với mức lãi suất (xác định bằng 4%/năm). Thời gian tính chi phí lãi vay từ thời điểm công trình dự án đưa vào khai thác đến thời điểm chấm dứt hợp đồng.*

Phương án 2: *tổng chi phí lãi vay Nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án đã thanh toán cho ngân hàng tín dụng tính đến thời điểm cơ quan có thẩm quyền quyết định chấm dứt hợp đồng.*

Thực hiện chỉ đạo của Thường trực Chính phủ tại Thông báo số 270/TB-VPCP, Bộ Xây dựng đã phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các địa phương liên quan tổ chức đàm phán với Nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án và ngân hàng cung cấp tín dụng đối với 06 dự án BOT dự kiến chấm dứt hợp đồng và trong quá trình lấy ý kiến các ngân hàng tín dụng, các ngân hàng tín dụng đề nghị nhà nước hỗ trợ một phần lãi vay do ngân hàng phải huy động ngắn hạn từ người dân, doanh nghiệp để cho vay dài hạn (cho vay đầu tư dự án BOT). Cụ thể: một số ngân hàng đề xuất hỗ trợ chi phí lãi vay trong giai đoạn vận hành, kinh doanh với mức khoảng **4%/năm trên tổng số vốn vay đầu tư dự án**; một số ngân hàng đề xuất **giá trị thanh toán có tính lãi vay doanh nghiệp dự án đã thanh toán** và ngân hàng đã hạch toán (không hồi tố đối với số lãi đã thu).

Trên cơ sở ý kiến các ngân hàng tín dụng, dự thảo Nghị định tổng hợp phương án 1 và phương án 2 như trên.

Trong 02 phương án nêu trên, Phương án 1 có ưu điểm là bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ khi chi trả chi phí bồi thường, chấm dứt hợp đồng; tuy nhiên nếu thực hiện theo phương án này, các ngân hàng tín dụng vướng mắc trong hạch toán

lại do các khoản thu lãi vay đã được hạch toán. Phương án 2 phù hợp với thực tế lãi vay đã thanh toán, thuận lợi cho ngân hàng tín dụng do không phải hạch toán lại; tuy nhiên, phương án này không đảm bảo tính thống nhất do mức lãi vay đã thanh toán tùy thuộc vào doanh thu của từng dự án cũng như khả năng chi trả của nhà đầu tư (nhà đầu tư có thể huy động nguồn vốn của nhà đầu tư để thanh toán lãi vay ngân hàng mà không phụ thuộc vào doanh thu của dự án).

Phương án 3: 0 đồng (không tính lãi vay trong giai đoạn vận hành, kinh doanh trong chi phí bồi thường, chấm dứt hợp đồng trước thời hạn).

Cơ sở: theo Thông báo số 270/TB-VPCP ngày 22/6/2024 của Văn phòng Chính phủ về Đề án xử lý khó khăn, vướng mắc tại một số dự án BOT giao thông, Thường trực Chính phủ kết luận: *trường hợp đề xuất sử dụng ngân sách nhà nước để thanh toán cho nhà đầu tư khi chấm dứt hợp đồng trước thời hạn phải xác định được giá trị thuộc trách nhiệm nhà nước phải thanh toán, sử dụng nguồn nào và thẩm quyền quyết định; các bên có trách nhiệm chia sẻ tối đa rủi ro theo nguyên tắc “lợi ích hài hòa, rủi ro chia sẻ” (Bộ Giao thông vận tải và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam làm việc với Nhà đầu tư, doanh nghiệp và các bên cung cấp vốn để đàm phán theo hướng không có lợi nhuận vốn chủ sở hữu và không tính lãi vay trong giá trị dự kiến để nghị thanh toán).*

VII. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ CỦA BỘ XÂY DỰNG

Bộ Xây dựng kiến nghị Chính phủ thông qua hồ sơ dự thảo Nghị định.

Trên đây là nội dung Tờ trình của Bộ Xây dựng về dự thảo Nghị định quy định chi tiết về việc tháo gỡ vướng mắc của dự án BOT giao thông.

Bộ Xây dựng kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên,
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Phó TTgCP Trần Hồng Hà (để b/c);
- Các Thứ trưởng;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: TC, CA, TP, NN&MT;
- Thanh tra Chính phủ;
- Ngân hàng nhà nước Việt Nam;
- UBND các tỉnh, thành phố: Hà Nội, Phú Thọ, Thái Nguyên, Bắc Kạn, Lạng Sơn, Hà Nam, Thái Bình, Thanh Hóa, Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Phú Yên, Đắk Lắk, Bình Dương, Cần Thơ;
- Văn phòng Bộ, Văn phòng Đảng ủy;
- Các Vụ: KH-TC, PC; Thanh tra Bộ;
- Lưu VT, CDBVN.

BỘ TRƯỞNG

Trần Hồng Minh

Phụ lục I
Dự toán chi tiết kinh phí tuyên truyền và tổ chức Lễ Kỷ niệm 80 năm Ngày truyền thống ngành Giao thông vận tải
(28/8/1945 - 28/8/2025)
(Ban hành kèm theo Tờ trình số 527/TTr-VP ngày 11/7/2025 của Văn phòng Bộ Xây dựng)

A. Tuyên truyền trên Báo Xây dựng

TT	Nội dung công việc	Đơn vị	Số lượng	Giá trị một đơn vị hệ số nhuận bút (10% mức lương cơ sở)	Hệ số nhuận bút	Thành tiền	Căn cứ
I	Mở Chuyên trang: Dòng sự kiện “Ngành GTVT - 80 năm đi trước mở đường” trên Báo Xây dựng	Nhuận bút				114,660,000	Căn cứ Điều 7, 8 Nghị định số 18/2014/NĐ-CP ngày 14/3/2014 quy định chế độ nhuận bút trong lĩnh vực báo chí, xuất bản; Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 quy định mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang
		Bài	14	234,000	25	81,900,000	
		Ảnh	14	234,000	10	32,760,000	
		Thù lao Biên tập tin, bài, ảnh (20% nhuận bút)				22,932,000	
		TỔNG				137,592,000	
II	Chuyên mục “Kỷ lục giao thông vận tải” trên Báo Xây dựng	Nhuận bút				49,140,000	
		Bài	6	234,000	25	35,100,000	
		Ảnh	6	234,000	10	14,040,000	
		Thù lao Biên tập tin, bài, ảnh (20% nhuận bút)				9,828,000	
		TỔNG				58,968,000	
TỔNG CỘNG (I) + (II):						196,560,000	

B. Tuyên truyền trên Tạp chí Xây dựng

Nội dung công việc	Đơn vị	Số lượng	Giá trị một đơn vị hệ số nhuận bút (10% mức lương cơ sở)	Hệ số nhuận bút	Thành tiền	Căn cứ
Chuyên mục: “80 năm thành tựu phát triển khoa học công nghệ ngành GTVT” trên Tạp chí Xây dựng	Nhuận bút				159,120,000	Căn cứ Điều 7, 8 Nghị định số 18/2014/NĐ-CP ngày 14/3/2014 quy định chế độ nhuận bút trong lĩnh vực báo chí, xuất bản; Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 quy định mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang
	Tin	20	234,000	10	46,800,000	
	Bài	10	234,000	25	58,500,000	
	Ảnh	23	234,000	10	53,820,000	
	Thù lao Biên tập tin, bài, ảnh (20% nhuận bút)				31,824,000	
	TỔNG				190,944,000	

C. Tuyên truyền trên Cổng thông tin điện tử Bộ Xây dựng

Nội dung công việc	Đơn vị	Số lượng	Giá trị một đơn vị hệ số nhuận bút (10% mức lương cơ sở)	Hệ số nhuận bút	Thành tiền	Căn cứ
	Nhuận bút				84,240,000	

Chuyên mục: <i>"Hương tới kỷ niệm 80 năm Ngày truyền thống Ngành Giao thông vận tải"</i> trên Cổng Thông tin điện tử Bộ Xây dựng	Tin	10	234,000	10	23,400,000	Căn cứ Điều 7, 8 Nghị định số 18/2014/NĐ-CP ngày 14/3/2014 quy định chế độ nhận bút trong lĩnh vực báo chí, xuất bản; Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 quy định mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang
	Bài	5	234,000	25	29,250,000	
	Ảnh	15	234,000	9	31,590,000	
	Thù lao Biên tập tin, bài, ảnh (20% nhuận bút)				16,848,000	
	TỔNG				101,088,000	

D. Xây dựng phim phóng sự

Đvt: đồng

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Hệ số	Đơn giá	Số tiền	Ghi chú
TỔ CHỨC SẢN XUẤT 01 PHIM PHÓNG SỰ						271,930,000	
I	Sản phẩm phóng sự chiếu tại lễ kỷ niệm 80 năm ngành GTVT						
+	Phim phóng sự truyền hình	Phim Phóng sự	1	Thời lượng 15-20 phút			
II	Kinh phí tổ chức sản xuất sản phẩm						
1	Chi phí xây dựng kịch bản, thiết kế nội dung, tổ chức sản xuất phim phóng sự					128,934,000	
-	Khảo sát, lên ý tưởng, xây dựng kịch bản tổng thể, kịch bản chi tiết (Tham vấn các chuyên gia, đơn vị, các cơ quan liên quan trong xây dựng kịch bản phim phóng sự truyền hình)	Người	5	28	234,000	32,760,000	Theo Điều 6, 8, 9, 10 ND 18/2014/NĐ-CP ngày 14/3/2014 của Chính phủ quy định về chế độ nhuận bút trong lĩnh vực báo chí, xuất bản
-	Duyệt kịch bản kế hoạch tổng thể, chi tiết nội dung sản xuất phóng sự	Người	2	28	234,000	13,104,000	

-	Lập kế hoạch, chỉ đạo sản xuất, thu thập thông tin theo kịch bản nội dung đã phê duyệt, Biên tập lời dẫn, lời bình cho các clip, tin, ...	Người	5	20	234,000	23,400,000	
-	Kỹ thuật dựng hình sơ bộ, chỉnh sửa sản phẩm phóng sự xuất file lần 1	Người	3	20	234,000	14,040,000	
-	Kỹ thuật thiết kế đồ họa, âm thanh, ánh sáng xuất file lần 1	Người	3	20	234,000	14,040,000	
-	Tổ chức duyệt sản phẩm, lấy ý kiến hoàn thiện sản phẩm					0	Báo/Cục, các cơ quan liên quan
-	Biên tập viên, Kỹ thuật dựng hình hoàn thiện chỉnh sửa video clip, tin, hoàn thiện phóng sự, đồ họa, âm thanh, ánh sáng, xuất file hoàn thiện lần 2	Người	3	20	234,000	14,040,000	Theo Điều 6, 8, 9, 10 ND 18/2014/ND-CP ngày 14/3/2014 của Chính phủ quy định về chế độ nhuận bút trong lĩnh vực báo chí, xuất bản
-	MC dẫn đọc lời bình dẫn cho phóng sự	Người	2	15	234,000	7,020,000	
-	Duyệt sản phẩm, công tác phục vụ xuất bản Phim phóng sự, ghi file nghiệm thu sản phẩm	Phóng sự	3	15	234,000	10,530,000	
2	Chi phí nhuận bút trả tác giả					57,096,000	
-	Nhuận bút trả tác giả cung cấp video clip cho Phim phóng sự truyền hình	Video clip	12	12	234,000	33,696,000	
-	Nhuận bút cung cấp tin tư liệu, phỏng vấn cho Phim phóng sự truyền hình	Tin	10	10	234,000	23,400,000	
3	Công tác phí về thực tế tại các địa bàn sản xuất phóng sự (dự kiến)					85,900,000	
-	Chi phí thuê phương tiện xe đi công tác trên các địa bàn (mỗi chuyến đi công tác dự kiến 2 ngày)	Chuyến	8		3,000,000	24,000,000	Thông tư 40/2017/TT-BTC; TT12/2025
-	Chi phí phương tiện đi công tác bằng máy bay trên các địa bàn Miền Trung, Nam Trung Bộ, Phía Nam, Đông Nam Bộ (mỗi chuyến đi công tác dự kiến 4 ngày, 3 người)	Chuyến	2	3	4,000,000	24,000,000	
-	Tiền phụ cấp lưu trú (4 x 4 ngày x 3 người)	Ngày	48		300,000	14,400,000	
-	Tiền phụ phòng nghỉ	Ngày	47		500,000	23,500,000	

III	Chi phí quản lý chung, dự phòng phát sinh khác phục vụ xuất bản sản xuất phim phóng sự	đồng				27,193,000	10% CP hợp lý
	TỔNG KINH PHÍ TUYÊN TRUYỀN (I+II+III)					299,123,000	

E. Kinh phí Phát sóng Phóng sự Kỷ niệm 80 năm Ngày truyền thống ngành GTVT trên Đài Truyền hình Việt Nam

TT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN CHI PHÍ PHÁT SÓNG 01 PHÓNG SỰ 15 - 20 phút					
I	Chi phí trực tiếp sản xuất chương trình	ĐVT	Số lượng	Hệ số	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1	Nhuận bút phóng sự	SP	1	30	234,000	7,020,000	Nghị định 18/2014/NĐ-CP ngày 18/3/2014
2	Kỹ thuật máy lẻ	SP	5		500,000	2,500,000	
3	Kỹ thuật dựng phóng sự	SP	5		550,000	2,750,000	
4	Đọc/Hòa âm	SP	2		450,000	900,000	
5	Ingest	SP	2		450,000	900,000	
6	Phát sóng chương trình	SP	2		3,000,000	6,000,000	
7	Tổng khống chế	SP	2		4,950,000	9,900,000	QĐ1310 ngày 4/11/2019; QĐ1290/QĐ-THVN ngày 31/12/2020 của Đài THVN
8	Truyền dẫn tín hiệu	SP	2		1,600,000	3,200,000	
9	Quản trị hệ thống tin tức - thời sự	SP	2		600,000	1,200,000	
10	Quản trị hệ thống quản lý phát sóng	SP	2		600,000	1,200,000	
11	Quản trị hệ thống MAM hậu kỳ	SP	2		600,000	1,200,000	
12	Chi phí phát sóng		1		6,225,000	6,225,000	
	Tổng (I)					42,995,000	
II	Chi phí trực tiếp (Máy sử dụng)	ĐVT	Thời gian (giờ)		Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú

1	Hệ thống dựng phi tuyến	SP	4.63		245,000	1,134,350	Thông tư số 03/2018/TT-BTTTT ngày 20/04/2018 của Bộ TTTT
2	Hệ thống phòng đọc	Giờ	1.00		454,545	454,545	
3	Máy phát sóng	SP	13.00		245,000	3,185,000	
4	Máy tính	SP	35.00		25,000	875,000	
5	USB lưu trữ	chiếc	2		250,000	500,000	
	Tổng (II)					6,148,895	
III	Chi phí trực tiếp (nhân công)	ĐVT	Số lượng	Hệ số	Đơn giá	Thành tiền	
I	Nhân sự					43,464,795	Thông tư số 03/2018/TT-BTTTT ngày 20/04/2018 của Bộ TTTT
1	Biên tập viên 1 (Hạng III -Bậc 4/9)	Công	10	3.33	270,232	8,998,726	
2	Biên tập viên 2 (Hạng III -Bậc 6/9)	Công	10	3.99	270,232	10,782,257	
3	Đạo diễn truyền hình (Hạng III-Bậc 3/9)	Công	10	3.00	270,232	8,106,960	
4	Kỹ thuật dựng phim (Hạng II -Bậc 3/9)	Công	10	0.27	270,232	729,626	
5	Kỹ thuật dựng phim (Hạng II -Bậc 6/9)	Công	10	0.06	270,232	162,139	
6	Kỹ thuật viên (Bậc 5/12)	Công	5	2.37	180,155	2,134,837	
7	Phát thanh viên (Hạng II -Bậc 3/8)	Công	5	4.68	344,055	8,050,887	
8	Phóng viên (Hạng III -Bậc 4/9)	Công	5	3.33	270,232	4,499,363	
IV	Chi phí khác					7,000,000	
1	Kịch bản	Người	2		2,500,000	5,000,000	

2	Viết lời bình	Người	1		1,500,000	1,500,000	QĐ 1310 ngày 4/11/2019 của Đài THVN
3	Chọn nhạc	Người	1		500,000	500,000	
TỔNG I + II + III+IV						99,608,690	

F. Tổ chức Lễ mít tinh Kỷ niệm 80 năm Ngày truyền thống ngành GTVT

STT	NỘI DUNG	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
I	PHÒNG PHƯỚC - TRANG TRÍ					
1	Pano trên cổng Cơ quan (Pano 2 cột cổng to và 2 cột cổng phụ) : thi công theo thiết kế, đảm bảo gia cố ngoài trời	trọn gói	1	22,000,000	22,000,000	Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị.
2	Pano 2 bên - treo nhà D (10x5=50m2) : thi công theo thiết kế, đảm bảo gia cố ngoài trời	chiếc	2	10,000,000	20,000,000	
3	Phuộc cột INOX (08x24=192m2) Treo mặt đường và dọc đường vào	chiếc	30	480,000	14,400,000	
4	Standee chân chữ X tầng 1	chiếc	10	350,000	3,500,000	
5	Standee chân chữ X tầng 7	chiếc	6	350,000	2,100,000	
6	Standee chân chữ X tầng 2,3,4,5,6	chiếc	5	350,000	1,750,000	
7	Photobooth sảnh kích thước 5.5mW x 2.3mH in bạt chống xuyên sáng, khung sắt	Chiếc	1	15,000,000	15,000,000	
	Sàn gỗ MDF phủ thảm đỏ kích thước: 5.5mW x 2mD x 0.1mH	Chiếc	1			
	Cột đèn rọi phòng chụp ảnh	cột/ngày	2			
8	Biển tên đại biểu VIP in PP 2 mặt (mua mới)	chiếc	50	300,000	15,000,000	

9	Logo bực phát biểu	chiếc	1	1,200,000	1,200,000	
II	HOA TRANG TRÍ					
1	Hoa bực phát biểu	lăng	1	2,500,000	2,500,000	Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị
2	Hoa dây bàn VIP ĐB	bát	30	500,000	15,000,000	
3	Hoa tượng Bác	lăng	1	5,500,000	5,500,000	
4	Hoa phòng chờ VIP	Bát	1	3,000,000	3,000,000	
5	Hoa sảnh tầng 1	Chậu	2	10,000,000	20,000,000	
III	TIỆC - GIẢI KHÁT					
1	Giải khát (Bàn tại hành lang ngoài hội trường)	suất	400	50,000	20,000,000	Thông tư số 12/2025/TT-BTC ngày 19/3/2025 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị
IV	HỆ THỐNG ÂM THANH, ÁNH SÁNG					
1	Âm thanh, ánh sáng biểu diễn tổng duyệt và chương trình chính thức :	ngày	1	30,000,000	30,000,000	Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị.

V	TÀI LIỆU, VĂN PHÒNG PHẨM HỘI NGHỊ					
1	Ấn phẩm Báo Xây dựng chào mừng buổi lễ kỷ niệm 80 năm ngành GTVT	Tờ	300	8,500	2,550,000	Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017
2	USB lưu phim tài liệu phát cho đại biểu	Chiếc	300	120,000	36,000,000	
3	Bút, giấy in, túi đựng tài liệu	Gói	1	25,000,000	25,000,000	
VI	TRANG THIẾT BỊ HỘI NGHỊ					
1	Thuê 400 ghế đại biểu hội trường chính (Ghế bọc vải, bàn trái khăn)	Gói	400	135,000	54,000,000	Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017
2	Bàn chủ tọa, bàn phát tài liệu ngoài cửa hội trường (mẫu chân gấp gọn)	Chiếc	5	1,200,000	6,000,000	
3	Bàn họp phục vụ Hội nghị (tại Hội trường chính và phòng Vip)	Cái	27	11,000,000	297,000,000	
4	Màn hình Led chạy tại cửa ra vào T1 nhà D (P10 outdoor fullcolor)	Chiếc	1	56,234,200	56,234,200	
5	Màn hình chân đứng 55 inch, Độ phân giải 4K:3840*2160	Chiếc	4	23,100,000	92,400,000	
VII	CHI KHÁC					
1	Vệ sinh công nghiệp khu vực sảnh t1, t7 và hội trường lớn	m2	1,438	28,000	40,264,000	Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017
2	Xe vận chuyển, Nhân công vận chuyển kê xếp Setup bàn ghế theo sơ đồ.	Gói	1	20,000,000	20,000,000	
TỔNG PHỤ LỤC I, II, III, IV, V, VI, VII					820,398,200	
TỔNG: A+B+C+D+E+F:					1,707,721,890	
<i>(Bằng chữ: Một tỷ bảy trăm linh bảy triệu, bảy trăm hai mươi mốt nghìn, tám trăm chín mươi đồng)</i>						